

Mã Chương : 422

Đơn vị : TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH

Mã ĐVQHNS : 1058083

Mã cấp NS : 2

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
12 THÁNG/ NĂM 2021

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NS	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Kinh phí thường xuyên bằng dự toán		093			0	0	111.212.498.143	111.212.498.143	111.212.498.143	111.212.498.143
Kinh phí không giao tự chủ, không giao khoán	12			00000	0	0	52.334.498.143	52.334.498.143	52.334.498.143	52.334.498.143
			6900		0	0	2.247.498.143	2.247.498.143	2.247.498.143	2.247.498.143
			6907		0	0	1.325.745.766	1.325.745.766	1.325.745.766	1.325.745.766
			6949		0	0	921.752.377	921.752.377	921.752.377	921.752.377
			7750		0	0	50.087.000.000	50.087.000.000	50.087.000.000	50.087.000.000
			7766		0	0	50.087.000.000	50.087.000.000	50.087.000.000	50.087.000.000
Kinh phí giao tự chủ, giao khoán	13			00000	0	0	55.769.900.000	55.769.900.000	55.769.900.000	55.769.900.000
			6000		0	0	14.017.953.288	14.017.953.288	14.017.953.288	14.017.953.288
			6001		0	0	4.881.246.918	4.881.246.918	4.881.246.918	4.881.246.918
			6003		0	0	9.136.706.370	9.136.706.370	9.136.706.370	9.136.706.370
			6100		0	0	10.133.309.570	10.133.309.570	10.133.309.570	10.133.309.570
			6101		0	0	324.098.500	324.098.500	324.098.500	324.098.500
			6105		0	0	4.862.512.868	4.862.512.868	4.862.512.868	4.862.512.868
			6112		0	0	3.075.072.341	3.075.072.341	3.075.072.341	3.075.072.341
			6113		0	0	18.996.000	18.996.000	18.996.000	18.996.000
			6115		0	0	1.815.603.861	1.815.603.861	1.815.603.861	1.815.603.861

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NS	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
			6123		0	0	37.026.000	37.026.000	37.026.000	37.026.000
			6300		0	0	3.797.895.238	3.797.895.238	3.797.895.238	3.797.895.238
			6301		0	0	2.828.327.808	2.828.327.808	2.828.327.808	2.828.327.808
			6302		0	0	484.856.195	484.856.195	484.856.195	484.856.195
			6303		0	0	323.092.502	323.092.502	323.092.502	323.092.502
			6304		0	0	161.618.733	161.618.733	161.618.733	161.618.733
			6400		0	0	8.093.714.525	8.093.714.525	8.093.714.525	8.093.714.525
			6404		0	0	8.093.714.525	8.093.714.525	8.093.714.525	8.093.714.525
			6500		0	0	1.426.102.167	1.426.102.167	1.426.102.167	1.426.102.167
			6501		0	0	1.128.743.667	1.128.743.667	1.128.743.667	1.128.743.667
			6504		0	0	297.358.500	297.358.500	297.358.500	297.358.500
			6550		0	0	356.658.210	356.658.210	356.658.210	356.658.210
			6551		0	0	151.593.085	151.593.085	151.593.085	151.593.085
			6552		0	0	66.297.000	66.297.000	66.297.000	66.297.000
			6599		0	0	138.768.125	138.768.125	138.768.125	138.768.125
			6600		0	0	3.585.469.340	3.585.469.340	3.585.469.340	3.585.469.340
			6601		0	0	10.029.216	10.029.216	10.029.216	10.029.216
			6605		0	0	109.338.000	109.338.000	109.338.000	109.338.000
			6606		0	0	3.221.072.624	3.221.072.624	3.221.072.624	3.221.072.624
			6608		0	0	32.529.500	32.529.500	32.529.500	32.529.500
			6618		0	0	212.500.000	212.500.000	212.500.000	212.500.000
			6550		0	0	98.021.000	98.021.000	98.021.000	98.021.000
			6651		0	0	98.021.000	98.021.000	98.021.000	98.021.000
			6700		0	0	94.000.000	94.000.000	94.000.000	94.000.000
			6704		0	0	94.000.000	94.000.000	94.000.000	94.000.000

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NS	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
			6750		0	0	5.723.562.000	5.723.562.000	5.723.562.000	5.723.562.000
			6751		0	0	123.090.000	123.090.000	123.090.000	123.090.000
			6756		0	0	5.457.847.000	5.457.847.000	5.457.847.000	5.457.847.000
			6757		0	0	46.540.000	46.540.000	46.540.000	46.540.000
			6799		0	0	96.085.000	96.085.000	96.085.000	96.085.000
			6900		0	0	3.207.169.266	3.207.169.266	3.207.169.266	3.207.169.266
			6905		0	0	20.484.200	20.484.200	20.484.200	20.484.200
			6907		0	0	737.924.969	737.924.969	737.924.969	737.924.969
			6912		0	0	361.680.000	361.680.000	361.680.000	361.680.000
			6913		0	0	93.017.500	93.017.500	93.017.500	93.017.500
			6921		0	0	320.493.950	320.493.950	320.493.950	320.493.950
			6949		0	0	1.673.568.647	1.673.568.647	1.673.568.647	1.673.568.647
			7000		0	0	5.118.151.652	5.118.151.652	5.118.151.652	5.118.151.652
			7001		0	0	4.463.835.652	4.463.835.652	4.463.835.652	4.463.835.652
			7049		0	0	654.316.000	654.316.000	654.316.000	654.316.000
			7750		0	0	117.893.744	117.893.744	117.893.744	117.893.744
			7799		0	0	117.893.744	117.893.744	117.893.744	117.893.744
Kinh phí cải cách tiền lương										
KP giao tự chủ, giao khoán	14			00000	0	0	3.108.100.000	3.108.100.000	3.108.100.000	3.108.100.000
			6000		0	0	1.889.160.840	1.889.160.840	1.889.160.840	1.889.160.840
			6001		0	0	666.234.800	666.234.800	666.234.800	666.234.800
			6003		0	0	1.222.926.040	1.222.926.040	1.222.926.040	1.222.926.040
			6100		0	0	724.411.240	724.411.240	724.411.240	724.411.240
			6101		0	0	44.282.000	44.282.000	44.282.000	44.282.000

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NS	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
			6112		0	0	418.176.304	418.176.304	418.176.304	418.176.304
			6113		0	0	392.000	392.000	392.000	392.000
			6115		0	0	256.562.936	256.562.936	256.562.936	256.562.936
			6123		0	0	4.998.000	4.998.000	4.998.000	4.998.000
			6300		0	0	494.527.920	494.527.920	494.527.920	494.527.920
			6301		0	0	350.877.276	350.877.276	350.877.276	350.877.276
			6302		0	0	65.700.171	65.700.171	65.700.171	65.700.171
			6303		0	0	56.050.414	56.050.414	56.050.414	56.050.414
			6304		0	0	21.900.059	21.900.059	21.900.059	21.900.059
Phần ĐVSDNS ghi:										

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 05 tháng 01 năm 2022

Kế toán trưởng

Hiệu Trưởng

Nguyễn Kính

Phạm Hữu Lộc

